

Số: 2850802

|                                                | BMW X3 20 ALL NEW 2025                        | BMW X3 20i M Sport 2024                          |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>2.279.000.000đ</b>                         | <b>2.189.000.000đ</b>                            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                               |                                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4755 x 1920 x 1660                            | 4708 x 1891 x 1676                               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2865                                          | 2864                                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 6010                                          | 6010                                             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 216                                           | 216                                              |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1855                                          | 1710                                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2500                                          | 2400                                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 570 - 1600                                    | 550 - 1600                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 65                                            | 65                                               |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                             | 5                                                |
| Nguồn gốc                                      | Lắp ráp trong nước                            | Lắp ráp trong nước                               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                               |                                                  |
| Loại động cơ                                   | I4 2.0L TwinPower Turbo, Mild Hybrid          | I4 2.0L TwinPower Turbo                          |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1.998                                         | 1.998                                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 140 kW (190 Hp) @ 4,400 - 6,500 rpm           | 135 kW (184 HP) @ 5000-6500 rpm                  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 310 Nm @ 1,500 - 4,000 rpm                    | 300 Nm @ 1350-4000 vòng/phút                     |
| Hộp số                                         | 8AT Steptronic                                | 8AT Steptronic                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Dẫn động bốn bánh toàn thời gian xDrive (AWD) | Cầu sau (RWD)                                    |
| Hệ thống treo trước                            | Mc Pherson tay đòn kép                        | Mc Pherson tay đòn kép                           |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                              | Liên kết đa điểm                                 |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                           | Đĩa                                              |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                           | Đĩa                                              |
| Thông số lốp xe                                | 245/50 R 19                                   | 245/50 R 19                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7,7                                           | 7,9                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6,1                                           | 6,5                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | -                                             | -                                                |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | Có                                            | Có                                               |
| Chế độ lái                                     | Tùy chỉnh 03 chế độ lái thông qua My Modes    | Tùy chỉnh 03 chế độ lái: Comfort, Eco Pro, Sport |
| Chế độ địa hình                                | Có                                            | Có                                               |
| Trang bị khác                                  | -                                             | -                                                |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                               |                                                  |
| Cụm đèn trước                                  | BMW LED                                       | Adaptive LED                                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | Có                                            | Có                                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Có                                            | Có                                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | Có                                            | Có                                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                             | Có                                               |
| Đèn ban ngày LED                               | Có                                            | Có                                               |
| Đèn sương mù                                   | -                                             | -                                                |
| Cụm đèn sau                                    | BMW LED                                       | BMW LED                                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Có                                            | Có                                               |
| Gạt mưa tự động                                | Có                                            | Có                                               |

|                                            |                                         |                                                         |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Cửa sổ trời                                | -                                       | -                                                       |
| Trang bị khác                              | -                                       | -                                                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                         |                                                         |
| Vô lăng bọc da                             | Có                                      | Có                                                      |
| Chất liệu ghế                              | Da Veganza                              | Da Sensatec                                             |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | -                                       | -                                                       |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | Có                                      | Có                                                      |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | Có                                      | Có                                                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | -                                       | -                                                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | Có                                      | Có                                                      |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | -                                       | -                                                       |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | -                                       | -                                                       |
| Hàng ghế trước có tính năng massage        | -                                       | -                                                       |
| Tính năng cửa hít                          | -                                       | -                                                       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | Có                                      | Có                                                      |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Màn hình đa thông tin 12.3-inch         | Màn hình đa thông tin 12.3-inch                         |
| Màn hình HUD                               | Có                                      | -                                                       |
| Màn hình giải trí trung tâm                | Màn hình điều khiển trung tâm 14.9-inch | Màn hình điều khiển trung tâm 12.3-inch                 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | Có                                      | Có                                                      |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 3                                       | 3                                                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | Có                                      | Có                                                      |
| Chìa khóa thông minh                       | Có                                      | Có                                                      |
| Khởi động nút bấm                          | Có                                      | Có                                                      |
| Khởi động từ xa                            | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống âm thanh                          | 6 Loa, 100W                             | Hệ thống âm thanh Harman Kardon, 16 loa, công suất 464W |
| Lấy chuyển số                              | Có                                      | Có                                                      |
| Sạc không dây Qi                           | Có                                      | Có                                                      |
| Phanh đỗ điện tử                           | Có                                      | Có                                                      |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | Có                                      | Có                                                      |
| Đèn trang trí nội thất                     | Có                                      | Có                                                      |
| Rèm che nắng                               | Có                                      | -                                                       |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | Có                                      | Có                                                      |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                                         |                                                         |
| Số túi khí                                 | 6                                       | 6                                                       |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | Có                                      | Có                                                      |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | -                                       | -                                                       |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Có                                      | Có                                                      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                  | -                                       | -                                                       |

|                                                 |    |    |
|-------------------------------------------------|----|----|
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -  | -  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | Có | -  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | Có | -  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | Có | Có |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Có | Có |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | Có | -  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | Có | Có |
| Camera lùi                                      | Có | Có |